

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**
Số: 52/2013/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Kon Tum, ngày 26 tháng 12 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy chế phối hợp công bố, công khai
thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan hành chính
nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh Kon Tum.**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 05/7/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức thực hiện Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp công bố, công khai thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 (mười) ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1047/QĐ-UBND ngày 04/10/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc ban hành Quy chế phối hợp trong công bố, công khai thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan hành chính các cấp trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Điều 3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Nguyễn Văn Hùng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

**Phối hợp trong công bố, công khai thủ tục hành chính
thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan hành chính nhà nước
các cấp trên địa bàn tỉnh Kon Tum.**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 52/2013/QĐ-UBND ngày 26/12/2013
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

Chương I

CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định:

a) Trách nhiệm phối hợp giữa các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh với Sở Tư pháp trong công tác rà soát thống kê và công bố thủ tục hành chính (gọi tắt là TTHC) thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan hành chính nhà nước ở các cấp (tỉnh, huyện, xã) trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

b) Trách nhiệm của cơ quan hành chính nhà nước ở các cấp trên địa bàn tỉnh trong công khai các TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết đã được Chủ tịch UBND tỉnh công bố theo quy định.

2. Quy chế này không điều chỉnh:

a) Các TTHC trong nội bộ của từng cơ quan hành chính nhà nước;

b) Các TTHC giữa cơ quan hành chính nhà nước với nhau nhưng không liên quan đến giải quyết công việc cho cá nhân, tổ chức;

c) Các TTHC xử lý vi phạm hành chính, thanh tra và có nội dung bí mật nhà nước.

3. Các nội dung liên quan đến công tác rà soát thống kê, công bố, công khai và thực hiện TTHC tại các cơ quan, địa phương không quy định tại Quy chế này, được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát TTHC và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát TTHC.

4. Quy chế này được áp dụng đối với các cơ quan hành chính nhà nước ở các cấp trên địa bàn tỉnh; các tổ chức, cá nhân có liên quan trong hoạt động kiểm soát TTHC trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Nội dung phối hợp trong công tác công bố thủ tục hành chính

1. Rà soát thống kê, điền biểu mẫu và xây dựng dự thảo quyết định trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của cơ quan hành chính nhà nước ở các cấp trên địa bàn tỉnh;

2. Kiểm soát chất lượng biểu mẫu, dự thảo quyết định công bố TTHC trước khi trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố theo quy định;

3. Trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định công bố theo quy định.

Điều 3. Nội dung phối hợp trong tổ chức công khai TTHC đã được công bố

1. TTHC đã được công bố phải cập nhật và công khai trên cơ sở dữ liệu Quốc gia về TTHC đúng quy định;

2. TTHC đã được công bố phải được công khai đầy đủ, chính xác tại trụ sở các cơ quan, địa phương trực tiếp giải quyết TTHC bằng nhiều hình thức thiết thực nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu tra cứu, sử dụng;

3. Tổ chức giải quyết và kiểm tra việc giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân theo đúng quy định đã được công bố; kịp thời tiếp nhận, xử lý những phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức liên quan đến TTHC đã được công bố.

Điều 4. Nguyên tắc phối hợp công bố, công khai TTHC

1. Đảm bảo sự phối hợp thường xuyên, chặt chẽ giữa các ngành, các cấp trong việc công bố, công khai TTHC;

2. Phát huy tính chủ động, tích cực và đề cao trách nhiệm của cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc công bố, công khai TTHC;

3. Tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật về nguyên tắc, trình tự, thủ tục, thời hạn công bố, công khai TTHC.

CHƯƠNG II. NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Quy trình phối hợp công bố thủ tục hành chính

1. Các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh có trách nhiệm trình Chủ tịch UBND tỉnh kịp thời công bố TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh (bao gồm: cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã) khi các văn bản quy phạm pháp luật của cấp có thẩm quyền (Trung ương và UBND tỉnh) ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ hoặc bãi bỏ các TTHC thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của ngành.

a) Trước 20 (hai mươi) ngày làm việc tính đến ngày văn bản quy phạm pháp luật quy định về TTHC có hiệu lực, xây dựng dự thảo và gửi hồ sơ (gồm bản giấy, bản điện tử) đến Sở Tư pháp để kiểm soát chất lượng trước khi trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định công bố.

b) Tờ trình đề nghị công bố, dự thảo Quyết định công bố TTHC được xây dựng theo mẫu kèm theo Quy chế này.

c) Sở Tư pháp hướng dẫn chi tiết công tác rà soát thống kê, lập danh mục; điền biểu mẫu; xây dựng dự thảo quyết định công bố; trình tự, thủ tục trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố TTHC theo quy định.

2. Trong thời gian 10 (mười) ngày làm việc khi nhận được hồ sơ trình của các cơ quan, Sở Tư pháp có trách nhiệm kiểm soát chất lượng biểu mẫu, dự thảo quyết định công bố TTHC theo quy định tại các Điều 14, Điều 15 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

a) Trường hợp hồ sơ trình công bố TTHC đã đầy đủ, chính xác; trong thời hạn 05 (năm) làm việc, Sở Tư pháp có trách nhiệm lập thủ tục trình Chủ tịch UBND xem xét quyết định công bố.

b) Trường hợp hồ sơ trình chưa đạt yêu cầu, không đúng theo quy định, Sở Tư pháp trả lại hồ sơ hoặc yêu cầu cơ quan trình phải bổ sung thông tin, chỉnh lý dự thảo quyết định công bố TTHC. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, cơ quan trình có trách nhiệm hoàn chỉnh lại dự thảo gửi lại Sở Tư pháp để thực hiện công tác kiểm soát chất lượng theo quy trình; Sở Tư pháp tiến hành kiểm soát chất lượng và lập thủ tục trình Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định tại điểm a khoản 2 điều này.

3. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ trình và đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp, Văn phòng UBND tỉnh tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh ký ban hành quyết định công bố.

Quyết định công bố sau khi ban hành đã được hoàn thành thủ tục văn thư hoặc chậm nhất trong ngày làm việc tiếp theo, Văn phòng UBND tỉnh chuyển giao Sở Tư pháp để thực hiện thủ tục công bố theo quy định.

Điều 9. Công khai thủ tục hành chính

1. Thủ tục hành chính đã được Chủ tịch UBND tỉnh công bố phải được công khai đầy đủ, chính xác, thường xuyên, rõ ràng, đúng địa chỉ, dễ tiếp cận, dễ khai thác, sử dụng.

Chậm nhất sau 05 (năm) ngày làm việc, TTHC đã được công bố phải được niêm yết công khai tại trụ sở cơ quan, đơn vị trực tiếp giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức.

2. Hình thức công khai:

a) Bắt buộc công khai:

- Niêm yết công khai tại trụ sở cơ quan, đơn vị trực tiếp giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức;

- Đăng tải trên cơ sở dữ liệu Quốc gia về TTHC (<http://csdl.thutuchanhchinh.vn>) và trang thông tin điện tử về TTHC của tỉnh (<http://tthc.kontum.gov.vn>).

b) Ngoài hình thức công khai bắt buộc trên, việc công khai TTHC có thể thực hiện theo một hoặc các hình thức sau:

- Đăng tải hoặc tạo đường kết nối đến cơ sở dữ liệu TTHC Quốc gia hoặc tỉnh trên trang thông tin điện tử của cơ quan, địa phương (nếu có);

- Thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng;

- Các hình thức khác.

Điều 10. Trách nhiệm các cơ quan trong phối hợp công bố, công khai và thực hiện thủ tục hành chính

1. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành thuộc tỉnh:

a) Trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh:

- Thường xuyên rà soát, cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật của cấp có thẩm quyền quy định về TTHC, phối hợp với Sở Tư pháp trình Chủ tịch UBND công bố kịp thời các TTHC theo quy định;

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác của TTHC khi trình Chủ tịch UBND công bố; giải quyết mọi hậu quả do việc chậm công bố TTHC gây ra.

b) Niêm yết công khai, đầy đủ, chính xác các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại trụ sở cơ quan, đơn vị trực thuộc trực tiếp giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức. Chịu trách nhiệm giải quyết mọi hậu quả gây ra do việc chậm niêm yết, niêm yết không đầy đủ, chính xác hoặc không niêm yết công khai các TTHC sau khi được công bố.

c) Tổ chức giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức đúng nguyên tắc, trách nhiệm theo quy định tại các Điều 12, Điều 18 và Điều 20 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã:

a) Niêm yết công khai, đầy đủ, chính xác các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại trụ sở cơ quan, đơn vị trực thuộc trực tiếp giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức. Chịu trách nhiệm giải quyết mọi hậu quả gây ra do việc chậm niêm yết, niêm yết không đầy đủ, chính xác hoặc không niêm yết công khai các TTHC sau khi được công bố.

b) Tổ chức giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức đúng nguyên tắc, trách nhiệm theo quy định tại các Điều 12, Điều 18 và Điều 20 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

c) Trong quá trình thực hiện, nếu phát hiện những TTHC chưa được công bố hoặc công bố chưa chính xác, đầy đủ theo quy định, chủ động phối hợp các cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh để công bố bổ sung theo quy định.

3. Trách nhiệm của Sở Tư pháp:

a) Hướng dẫn, đôn đốc các sở, ban, ngành thuộc tỉnh thường xuyên rà soát, cập nhật các quy định về TTHC; chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố theo quy định. Kịp thời báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh có biện pháp xử lý đối với các cơ quan không thực hiện đúng quy trình công bố, công khai TTHC theo quy định.

b) Chậm nhất trong thời hạn 5 (năm) ngày làm việc kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký Quyết định công bố TTHC, có trách nhiệm tạo hồ sơ văn bản, cập nhật thông tin TTHC mới công bố vào cơ sở dữ liệu Quốc gia về TTHC và trang thông tin điện tử về TTHC của tỉnh; đồng thời, có văn bản báo

Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (Bộ Tư pháp) về những thay đổi, bổ sung TTHC của địa phương.

Giám đốc Sở Tư pháp chịu trách nhiệm về tính chính xác của các hồ sơ văn bản, TTHC đã tạo trên Cơ sở dữ liệu Quốc gia về TTHC và trang thông tin điện tử về TTHC của tỉnh.

c) Phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra việc công khai và thực hiện TTHC tại các cơ quan hành chính các cấp của tỉnh.

4. Các cơ quan thông tin đại chúng địa phương: Dành thời lượng phù hợp để thông tin kịp thời các quy định và tình hình công khai, thực hiện TTHC của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh.

Chương III. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn thuộc tỉnh nghiêm túc thực hiện Quy chế này. Việc thực hiện Quy chế này là một trong các tiêu chí để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ cải cách hành chính của các cơ quan, địa phương hàng năm.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh trong việc công bố, công khai và thực hiện TTHC tại cơ quan, đơn vị trực thuộc.

3. Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh trong việc công khai, thực hiện TTHC tại các cơ quan, đơn vị và UBND xã, phường, thị trấn trực thuộc.

4. Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm phối hợp với Sở Tư pháp tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh ban hành quyết định công bố TTHC theo đúng quy định của Quy chế này.

5. Sở Tư pháp có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này; tổng hợp kết quả thực hiện, báo cáo theo quy định.

6. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về UBND tỉnh (qua Sở Tư pháp) xem xét, giải quyết./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Nguyễn Văn Hùng**

MẪU TỜ TRÌNH CỦA CÁC CƠ QUAN
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
SỐ:..... **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/TTTr-

Kon Tum, ngày tháng năm

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị công bố bổ sung các thủ tục hành chính thuộc
ngành..... trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số /2013/QĐ-UBND ngày / /2013 của UBND tỉnh về phối hợp trong công bố, công khai thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan hành chính các cấp trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Qua rà soát, kính đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh công bố bổ sung các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan hành chính các cấp trên địa bàn tỉnh thuộc ngành.....

1. Tổng số TTHC đề nghị công bố thuộc thẩm quyền giải quyết cấp tỉnh:.....

Trong đó:

- + Các TTHC mới ban hành:..... TTHC
- + Các TTHC đã có sửa đổi, bổ sung:..... TTHC
- + Những TTHC đã bị thay thế:..... TTHC
- + Những TTHC đã bị bãi bỏ/hủy bỏ:..... TTHC

2. Tổng số TTHC đề nghị công bố thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trong lĩnh vực quản lý của ngành:.....

Trong đó:

- + Đang thực hiện nhưng chưa được công bố:..... TTHC
- + Các TTHC mới ban hành chưa được công bố:..... TTHC
- + Các TTHC đã có sửa đổi, bổ sung:..... TTHC
- + Những TTHC đã bị thay thế:..... TTHC
- + Những TTHC đã bị bãi bỏ/hủy bỏ:..... TTHC

3. Tổng số TTHC đề nghị công bố thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã trong lĩnh vực quản lý của ngành:.....

Trong đó:

- + Đang thực hiện nhưng chưa được công bố:..... TTHC
- + Các TTHC mới ban hành chưa được công bố:..... TTHC
- + Các TTHC đã có sửa đổi, bổ sung:..... TTHC
- + Những TTHC đã bị thay thế:..... TTHC
- + Những TTHC đã bị bãi bỏ/hủy bỏ:..... TTHC

Các thủ tục hành chính trên kê khai chính xác theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật của cấp có thẩm quyền. Kính đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh xem xét công bố theo quy định./.

<p>Nơi nhận:</p> <ul style="list-style-type: none">- Chủ tịch UBND tỉnh;- Sở Tư pháp;- Lưu: VT, (viết tắt ĐV soạn và số bản lưu).	THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	---------------------------

MẪU QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/QĐ-UBND

*Kon Tum, ngày tháng năm 2011***QUYẾT ĐỊNH****Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/ sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế/ hủy bỏ hoặc bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở.....
/UBND cấp huyện/UBND cấp xã tỉnh Kon Tum****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số /2013/QĐ-UBND ngày / /2013 của UBND tỉnh Kon Tum về phối hợp trong công bố, công khai thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan hành chính nhà nước ở các cấp trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Xét đề nghị của và đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Công văn số /STP-KSTTHC ngày / /2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính mới ban hành/ sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế/ hủy bỏ hoặc bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở..... /UBND cấp huyện/UBND cấp xã tỉnh Kon Tum.

Điều 2.

1. Giao..... có trách nhiệm:

- Niêm yết công khai tại trụ sở các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết đã được công bố.

- Tổ chức thực hiện đúng, đầy đủ nội dung của các thủ tục hành chính được công bố kèm theo Quyết định này.

2. Sở Tư pháp tỉnh có trách nhiệm cập nhật các thủ tục hành chính đã được công bố tại Quyết định này vào cơ sở dữ liệu Quốc gia về thủ tục hành chính và Trang thông tin điện tử về thủ tục hành chính của tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh,, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các sở, ban, ngành/ Chủ tịch UBND các huyện, thành phố/ Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày..... (*đúng vào ngày văn bản QPPL quy định TTHC có hiệu lực thi hành*).

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c)
- Đ/c CT, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Kiểm soát TTHC (BTP);
- Như điều 3 (t/h);
- Lưu VT-NC

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH/ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
HOẶC THAY THẾ/ HỦY BỎ HOẶC BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ..... /UBND CẤP HUYỆN/ UBND CẤP XÃ**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số / QĐ-UBND ngày / /năm 20 của
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

**PHẦN I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

1. Danh mục TTHC mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở.../
UBND cấp huyện/ UBND cấp xã

STT	Tên thủ tục hành chính
I. Lĩnh vực...	
01	Thủ tục.....
02	Thủ tục.....
II. Lĩnh vực...	
01	Thủ tục.....
02	Thủ tục.....

2. Danh mục TTHC được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thuộc thẩm
quyền giải quyết của Sở.../ UBND cấp huyện/ UBND cấp xã

STT	Số hồ sơ TTHC ⁽¹⁾	Tên TTHC	Tên văn bản quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế ⁽²⁾
I. Lĩnh vực...			
01		Thủ tục.....	
02		Thủ tục.....	
II. Lĩnh vực...			
01		Thủ tục.....	
02		Thủ tục.....	

2. Danh mục TTHC bị hủy bỏ, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của
Sở.../ UBND cấp huyện/ UBND cấp xã

STT	Số hồ sơ TTHC ⁽³⁾	Tên TTHC	Tên văn bản quy định việc bãi bỏ, hủy bỏ TTHC ⁽⁴⁾
I. Lĩnh vực...			
01		Thủ tục.....	
02		Thủ tục.....	
II. Lĩnh vực...			
01		Thủ tục.....	
02		Thủ tục.....	

¹⁰ Số hồ sơ TTHC (trên CSDL Quốc gia về TTHC) của TTHC được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

²⁰ Nêu rõ tên, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành và trích yếu của các văn bản QPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

³⁰ Số hồ sơ TTHC (trên CSDL Quốc gia về TTHC) của TTHC bị hủy bỏ, bãi bỏ.

⁴⁰ Nêu rõ tên, số ký hiệu, thời gian ban hành và trích yếu của các văn bản QPPL quy định việc hủy bỏ, bãi bỏ.

PHẦN II
NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Tên thủ tục:

Trình tự thực hiện:	<i>Bao gồm cả thời gian, địa điểm thực hiện TTHC</i>
Cách thức thực hiện:	
Thành phần, số lượng hồ sơ:	a) Thành phần hồ sơ bao gồm: b) Số lượng hồ sơ: (bộ)
Thời hạn giải quyết:	
Đối tượng thực hiện:	
Cơ quan thực hiện:	
Kết quả:	
Lệ phí (nếu có):	
Tên mẫu đơn, tờ khai:	
Yêu cầu, điều kiện (nếu có):	
Căn cứ pháp lý:	

Ghi chú:

- Đối với TTHC có mẫu đơn, tờ khai hành chính phải được đính kèm theo ngay sau phần kê khai TTHC đó;
- Đối với những TTHC được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, ngoài việc chứa đựng thông tin theo mẫu; cần xác định rõ nội dung bị sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế của TTHC trước đó;
- Đối với những TTHC bị bãi bỏ/hủy bỏ, chỉ cần lập danh mục tại phần I.